UBND TỈNH NGHỆ AN
**SỞ Y TẾ**

Số: 188 /TB- SYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nghệ An, ngày 13 tháng 01 năm 2025*

# THÔNG BÁO
## Thông báo kết quả xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ, Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chinh phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ;

Căn cứ kết quả xếp cấp chuyên môn của Sở Y tế theo quy tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Để có Căn cứ thực hiện việc chuyển cấp, đăng ký khám chữa bệnh BHYT ban đầu và thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT theo quy định hiện hành cho người có thẻ BHYT. Sở Y tế Thông báo kết quả xếp cấp chuyên môn của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

| TT | Đơn vị | Địa Chỉ | Cấp chuyên môn | | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xếp cấp | Điểm | |
| **I** | **Các cơ sở khám, chữa bệnh xếp cấp cơ bản** ***(trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến Trung ương)*** | | | | |
| 1 | BV Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập | Phường Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai | Cơ bản | 39 | 1 |
| **II** | **Các cơ sở khám, chữa bệnh cấp cơ bản, chuyên sâu** ***(trước 01/01/2025 được cấp cơ thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh tuyến tỉnh)*** | | | | |
| 2 | Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An | Xã Nghi Phú, TP Vinh, Nghệ An | Chuyên sâu | 78 | 1 |
| 3 | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An | P. Hưng Dũng - Tp Vinh | Chuyên sâu | 71 | 1 |
| 4 | Bệnh viện Sản - Nhi Nghệ An | Phường Hưng Dũng - TP. Vinh | Cơ bản | 52 | 1 |

| TT | Đơn vị | Địa Chỉ | Cấp chuyên môn | | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xếp cấp | Điểm | |
| 5 | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An | P. Hà Huy Tập - Tp Vinh | Cơ bản | 48 | 1 |
| 6 | Bệnh viện Tâm thần Nghệ An | Xã Nghi Phú - T.p Vinh | Cơ bản | 32 | 2 |
| 7 | BV Chấn thương chỉnh hình Nghệ An | P. Hưng Dũng - Tp Vinh | Cơ bản | 41 | 2 |
| 8 | Bệnh viện Nội tiết Nghệ An | 11- Mai Hắc Đế - Tp Vinh | Cơ bản | 45 | 2 |
| 9 | Bệnh viện Phổi Nghệ An | Xã Nghi Vạn - Nghi Lộc | Cơ bản | 31 | 2 |
| 10 | Bệnh viện Phục hồi chức năng Nghệ An | 220 - Bình Minh – Tp Vinh | Cơ bản | 30 | 2 |
| 11 | Bệnh viện Mắt Nghệ An | 11 - Mai Hắc Đế - Tp Vinh | Cơ bản | 52 | 2 |
| 12 | TT Huyết học truyền máu Nghệ An | Tôn Thất Tùng - TP Vinh | Cơ bản | 34 | 2 |
| 13 | Bệnh viện Quân Y4/Quân Khu 4 | Xã Hưng Lộc - TP. Vinh | Cơ bản | 65 | 2 |
| **III** | **Các cơ sở khám, chữa bệnh cơ bản** ***(trước 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tuyến huyện)*** | | | | |
| 14 | Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc | Xóm Tân Hợp - Xã Nghĩa Tiến - Thị xã Thái Hoà - Nghệ An | Cơ bản | 38 | 2 |
| 15 | Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam | Xã Bồng Khê - Huyện Con Cuông | Cơ bản | 31 | 2 |
| 16 | Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh | Phường Vinh Tân - TP Vinh | Cơ bản | 38 | 2 |
| 17 | Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh cơ sở 2 | Đường Lê Ninh - TP Vinh | Cơ bản | 32 | 2 |
| 18 | Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc | Xã Nghi Thịnh - Nghi Lộc | Cơ bản | 28 | 2 |
| 19 | Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu | Thị trấn huyện Diễn Châu | Cơ bản | 29 | 2 |
| 20 | Bệnh viện đa khoa | Thị trấn Dùng - Huyện | Cơ bản | 32 | 2 |

| TT | Đơn vị | Địa Chỉ | Cấp chuyên môn | | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xếp cấp | Điểm | |
| | huyện Thanh Chương | Thanh Chương | | | |
| 21 | Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu | Thị trấn Cầu Giát - Huyện Quỳnh Lưu | Cơ bản | 30 | 2 |
| 22 | Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương | Thị trấn huyện Đô Lương | Cơ bản | 29 | 2 |
| 23 | Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành | Xã Tăng Thành - Huyện Yên Thành | Cơ bản | 30 | 2 |
| 24 | Trung tâm y tế Kỳ Sơn | Thị trấn huyện Kỳ Sơn | Cơ bản | 17 | 3 |
| 25 | Trung tâm y tế huyện Tương Dương | Thị trấn huyện Tương Dương | Cơ bản | 17 | 3 |
| 26 | Trung tâm y tế huyện Anh Sơn | Thị trấn huyện Anh Sơn | Cơ bản | 17 | 3 |
| 27 | Trung tâm y tế huyện Nam Đàn | Thị trấn huyện Nam Đàn | Cơ bản | 31 | 3 |
| 28 | Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên | Thị trấn huyện Hưng Nguyên | Cơ bản | 19 | 3 |
| 29 | Trung tâm y tế thị xã Cửa Lò | Phường Nghi Hương, Tp Vinh | Cơ bản | 19 | 3 |
| 30 | Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ | Thị trấn huyện Tân Kỳ | Cơ bản | 31 | 3 |
| 31 | Trung tâm y tế huyện Quỳ Hợp | Thị trấn huyện Quỳ Hợp | Cơ bản | 19 | 3 |
| 32 | Trung tâm y tế huyện Quỳ Châu | Thị trấn huyện Quỳ Châu | Cơ bản | 17 | 3 |
| 33 | Trung tâm y tế huyện Quế Phong | Thị trấn huyện Quế Phong | Cơ bản | 19 | 3 |
| 34 | Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai | Thị xã Hoàng Mai | Cơ bản | 19 | 3 |
| 35 | Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn | Thị trấn Nghĩa Đàn | Cơ bản | 28 | 3 |
| 36 | Bệnh viện Công an Nghệ An | Phường Hưng Bình - TP Vinh | Cơ bản | 15 | 3 |

| TT | Đơn vị | Địa Chỉ | Cấp chuyên môn | | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xếp cấp | Điểm | |
| 37 | Bệnh viện Trường đại học Y khoa Vinh | Phường Hưng Dũng - TP Vinh | Cơ bản | 45 | 3 |
| 38 | Bệnh viện đa khoa Thái An | Phường Đội Cung - TP Vinh | Cơ bản | 27 | 3 |
| 39 | Bệnh viện đa khoa 115 | Xã Nghi Phú - TP Vinh | Cơ bản | 30 | 3 |
| 40 | Bệnh viện đa khoa Cửa Đông | Phường Hưng Dũng - TP Vinh | Cơ bản | 35 | 3 |
| 41 | Bệnh viện đa khoa Đông Âu | Phường Hà Huy Tập - TP Vinh | Cơ bản | 24 | 3 |
| 42 | Bệnh viện đa khoa Minh An | Xã Quỳnh Giang - Huyện Quỳnh Lưu | Cơ bản | 19 | 3 |
| 43 | Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn | Xã Diễn Yên - Huyện Diễn Châu | Cơ bản | 19 | 3 |
| 44 | Bệnh viện đa khoa TTH Vinh | Phường Đội Cung - TP. Vinh | Cơ bản | 29 | 3 |
| 45 | Bệnh viện Quốc tế Vinh | Xóm 23, Nghi Phú - TP Vinh | Cơ bản | 20 | 3 |
| 46 | Bệnh viện đa khoa Quang Khởi | Thị xã Hoàng Mai | Cơ bản | 21 | 3 |
| 47 | Bệnh viện đa khoa An Phát | Thị trấn Tân Kỳ - Huyện Tân Kỳ | Cơ bản | 21 | 3 |
| 48 | Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn | Xã Bảo Thành - Huyện Yên Thành | Cơ bản | 17 | 3 |
| 49 | Bệnh viện đa khoa Quang Thành | Xã Quỳnh Hồng - Huyện Quỳnh Lưu | Cơ bản | 30 | 3 |
| 50 | Bệnh viện Tai mũi họng miền Trung | Số 12 đường Lê Nin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản | 19 | 3 |

| TT | Đơn vị | Địa Chỉ | Cấp chuyên môn | | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Xếp cấp | Điểm | |
| 51 | Bệnh viện ngoại khoa 115 | Xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản | Tạm thời xếp cấp | 3 |
| 52 | Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Nguyên Phúc | Đại Lộ 72m, Phường Hưng Đông , Tp Vinh,tỉnh Nghệ An | Cơ bản | Tạm thời xếp cấp | 3 |
| 53 | Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An | 161 V.I. Lê Nin, Nghi Phú, TP Vinh, Nghệ An | Cơ bản | Tạm thời xếp cấp | 3 |
| **IV** | **Các cơ sở khám, chữa bệnh cấp ban đầu Cấp ban đầu:** | | | | |
| 54 | Gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có điều trị nội trú, trạm y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực có giường bệnh. | | | | |

Thông báo này thay thế Công văn số 18/SYT-NVY ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Sở Y tế về việc thông báo xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bộ Y tế;
- BHXH Việt Nam;
- Vụ BHYT;
- Cục Quản lý KCB;
- Cục YDCT;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở Y tế các tỉnh/Tp;
- BHXH tỉnh (P/H);
- UBND huyện. TX, TP;
- GĐ, các PGĐ Sở (b/c);
- Các đơn vị y tế trên địa bàn;
- Cổng thông tin điên tử SYT Nghệ An;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH NGHỆ AN

**Nguyễn Hữu Lê**